

QUY CHẾ

Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Bộ Nội vụ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày / /2020
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Nội vụ có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc từ các nguồn khác.
- Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Nội vụ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ là việc căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, năng lực, điều kiện, kinh nghiệm và chuyên môn để xem xét, giao tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.
- Tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và điều kiện phù hợp nhất để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.
- Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Nội vụ.
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ là tổ chức khoa học và công nghệ hoặc tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

- Các loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ gồm có: Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ, đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ và dự án điều tra, khảo sát cấp Bộ.
- Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ. Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ.

3. Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dựa trên cơ sở phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, ngành Nội vụ đã được Lãnh đạo Bộ phê duyệt và thực tiễn công tác quản lý nhà nước, phát triển khoa học và công nghệ của Bộ Nội vụ.

4. Dự án điều tra, khảo sát cấp Bộ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mục tiêu cung cấp thông tin, số liệu điều tra, khảo sát và phân tích thực trạng, đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách về những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành nội vụ.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Bảo đảm quản lý thống nhất việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nội vụ.

2. Việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải bám sát, phục vụ kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, xây dựng chiến lược, cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

3. Tôn trọng và bảo đảm quyền chủ động, phát huy khả năng sáng tạo và nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc nghiên cứu khoa học.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu cơ bản, giữa nghiên cứu tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận.

5. Cân đối các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và điều kiện thực hiện nhiệm vụ nhằm phát triển các lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ.

Điều 5. Tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ

1. Nguồn tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước đầu tư trực tiếp cho hoạt động khoa học và công nghệ được bố trí trong kế hoạch ngân sách hằng năm hoặc trong dự án kinh tế - xã hội của Bộ Nội vụ;

b) Các nguồn tài chính khác: kinh phí dành cho hoạt động khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước: kinh phí tự có của các tổ chức, cá nhân; tài trợ trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; kinh phí dành cho hoạt động khoa học và công nghệ thuộc các dự án kinh tế, xã hội.

2. Việc sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học và công nghệ phải tuân thủ đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, phù hợp với mục tiêu của nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ được giao.

Chương II **XÁC ĐỊNH DANH MỤC NHIỆM VỤ** **KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Điều 6. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Vào tháng 01 hằng năm, các tổ chức và cá nhân thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (*Mẫu 1- PĐXNVKHCNCB*) gửi về Viện Khoa học tổ chức nhà nước.

Căn cứ để xây dựng đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, gồm:

- Chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;
- Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Bộ Nội vụ và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.
- Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Nội vụ;
- Nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao;
- Thực tiễn quản lý nhà nước của Bộ.

Trường hợp đề xuất từ 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ trở lên phải sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về tính cấp thiết và tính khả thi của nhiệm vụ.

2. Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức của các tổ chức thuộc và trực thuộc Bộ (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân); trên cơ sở đó tham mưu, đề xuất danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ gửi xin ý kiến các thành viên Hội đồng khoa học Bộ.

3. Viện Khoa học tổ chức nhà nước tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng khoa học Bộ, báo cáo Lãnh đạo Bộ xin ý kiến chỉ đạo và trình Lãnh đạo Bộ thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có 9 hoặc 11 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch, 02 phản biện và các ủy viên. Thành viên Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ là các chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và am hiểu sâu về các lĩnh vực khoa học và công nghệ của Bộ và một số thành viên Hội đồng khoa học Bộ đại diện cho một số tổ chức quản lý, nghiên cứu, giảng dạy của Bộ Nội vụ. Đại diện Viện Khoa học tổ chức nhà nước làm thư ký hội đồng. Hội đồng sẽ thảo luận, thống nhất đề xuất Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ và của các thành viên Hội đồng.

4. Viện Khoa học tổ chức nhà nước tổng hợp Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ đề xuất trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định; phê duyệt: Danh mục các chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ; Danh mục các đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ; Danh mục các dự án điều tra, khảo sát cấp Bộ trước ngày 30/6 hằng năm.

5. Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, kể từ khi Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt, Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm thông tin thông báo công khai Danh mục này trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ và Trang thông tin điện tử của Viện Khoa học tổ chức nhà nước.

6. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể được điều chỉnh, bổ sung trong trường hợp cần thiết và phải được sự đồng ý của Lãnh đạo Bộ.

7. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất do cấp có thẩm quyền giao được ưu tiên thực hiện trước các nhiệm vụ khác. Tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất gửi hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ đến Viện Khoa học tổ chức nhà nước. Hồ sơ gồm văn bản giao nhiệm vụ, công văn đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thuyết minh nhiệm vụ để Viện trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định theo phương thức giao trực tiếp.

Quy trình phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất được tiến hành ngay khi có yêu cầu, không phụ thuộc kế hoạch khoa học và công nghệ của năm. Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức liên quan để ưu tiên phân bổ kinh phí sau khi thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt.

Điều 7. Mã số của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Mã số của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ghi như sau:

- a) Mã số của chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ: CT.XX/YY;
- b) Mã số của đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ: ĐT.XX/YY;
- c) Mã số của dự án điều tra, khảo sát cấp Bộ: DA.XX/YY;

Trong đó: XX là nhóm 2 chữ số, ghi số thứ tự của chương trình, đề tài, dự án thực hiện trong năm; YY là nhóm 2 chữ số ghi 2 chữ số cuối của năm thực hiện.

2. Mã số của chương trình, đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, dự án điều tra, khảo sát cấp Bộ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ cấp.

Chương III

XÉT CHỌN, TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Mục 1: NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 8. Tiêu chuẩn đối với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Tổ chức chủ trì phải có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu, điều tra của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đủ điều kiện về nhân lực, thiết bị và cơ sở vật chất cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đạt hiệu quả.

2. Đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn:

- a) Có trình độ đại học trở lên;
- b) Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học và công nghệ với nhiệm vụ trong 03 năm gần đây, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;
- c) Là người chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Có khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

đ) Thời điểm nộp hồ sơ đến thời điểm nghỉ hưu phải đủ 18 tháng; thời điểm quyết định phê duyệt kết quả xét chọn, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ đến thời điểm nghỉ hưu phải đủ 12 tháng.

3. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký xét chọn, tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Đối với tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ tuyển chọn vẫn đang chủ trì dự án điều tra, khảo sát mà dự án đó đã quá thời hạn nghiệm thu 6 tháng (kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả xét chọn, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ);

- Tổ chức chủ trì dự án điều tra, khảo sát cấp Bộ được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn trong thời hạn 03 năm kể từ thời điểm có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu.

b) Đối với chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang làm chủ nhiệm chương trình, đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Nội vụ;

- Cá nhân chủ nhiệm đề tài, chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được xét chọn, tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 03 năm kể từ thời điểm có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu.

4. Viên chức giảng viên được kéo dài thời gian công tác khi đến tuổi nghỉ hưu có thể được đăng ký xét chọn, tuyển chọn và được giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.

Điều 9. Phương thức giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc bí mật quốc gia, đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng có liên quan đến lĩnh vực quản lý của Bộ;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất;

c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà chỉ có một tổ chức khoa học và công nghệ có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Ngoài các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này, việc lựa chọn tổ chức chủ trì hoặc cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ đều phải thông qua xét chọn, tuyển chọn theo quy định tại Chương III của Quy chế này.

Mục 2: XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Điều 10: Thông báo về việc xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học & công nghệ cấp Bộ, Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp chuẩn bị hồ sơ.

Điều 11: Hồ sơ đăng ký tham gia xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

Hồ sơ đăng ký tham gia xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ gồm những văn bản, tài liệu dưới đây:

1. Thuyết minh chương trình, đề tài (*Mẫu 3- TMCTĐTKHCNCB*), Thuyết minh dự án (*Mẫu 4- TMDAĐTKSCB*)
2. Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (trong trường hợp cá nhân có kê khai huy động được kinh phí từ nguồn vốn khác).
3. Hồ sơ đăng ký tham gia xét chọn (Khoản 1 và 2 Điều này) bao gồm: một (01) bộ Hồ sơ gốc và bảy (07) bản sao bộ Hồ sơ gốc.

Điều 12. Hội đồng xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học & công nghệ cấp Bộ

1. Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước ký Quyết định thành lập các Hội đồng xét duyệt thuyết minh để thực hiện việc xét duyệt thuyết minh các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ thực hiện theo phương thức xét chọn.

2. Hội đồng xét duyệt thuyết minh có từ 05 đến 07 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch, 01 thư ký và các ủy viên. Thành viên Hội đồng xét duyệt thuyết minh là các chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu sâu về lĩnh vực khoa học và công nghệ của nhiệm vụ và đại diện cơ quan dự kiến áp dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Chủ nhiệm nhiệm vụ và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không tham gia Hội đồng xét duyệt thuyết minh.

3. Phiên họp Hội đồng xét duyệt thuyết minh được tiến hành khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch, Thư ký và ít nhất 01 Ủy viên phản biện (Ủy viên phản biện vắng mặt phải có nhận xét, đánh giá bằng văn bản).

4. Các thành viên Hội đồng xét duyệt thuyết minh có trách nhiệm nhận xét, góp ý để hoàn thiện Thuyết minh theo mẫu quy định tại Phụ lục của Quy chế.

5. Hội đồng xét duyệt thuyết minh thảo luận để thống nhất kiến nghị những điểm bổ sung, sửa đổi cần thiết để hoàn thiện Thuyết minh. Hội đồng

thông qua Biên bản làm việc. Thư ký Hội đồng có trách nhiệm nộp hồ sơ xét duyệt thuyết minh để lưu tại Viện Khoa học tổ chức nhà nước.

6. Kinh phí tổ chức phiên họp Hội đồng xét duyệt thuyết minh do Viện Khoa học tổ chức nhà nước chịu trách nhiệm chi trả theo quy định hiện hành.

Mục 3: TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Điều 13. Thông báo về việc tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm thông báo danh mục các nhiệm vụ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, Trang thông tin điện tử của Viện Khoa học tổ chức nhà nước và gửi Công văn thông báo về việc đăng ký tham gia tới các tổ chức thuộc và trực thuộc Bộ trước thời điểm kết thúc nhận hồ sơ ít nhất 30 ngày làm việc.

Điều 14. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ hợp lệ gồm những văn bản, tài liệu dưới đây:

1. Thuyết minh chương trình, đề tài (*Mẫu 3- TMCTĐTKHCNCB*), Thuyết minh dự án (*Mẫu 4- TMDAĐTKSCB*)

2. Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (trong trường hợp cá nhân có kê khai huy động được kinh phí từ nguồn vốn khác).

3. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn (Khoản 1 và 2 Điều này) bao gồm: một (01) bộ Hồ sơ gốc và bảy (07) bản sao bộ Hồ sơ gốc. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn được đóng gói trong túi Hồ sơ dán kín, niêm phong và bên ngoài ghi rõ như sau:

- Tên nhiệm vụ đăng ký tham gia tuyển chọn;
- Tên, địa chỉ của tổ chức chủ trì;
- Họ tên của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ;

Điều 15. Địa điểm và thời hạn nộp hồ sơ tuyển chọn

1. Nơi nhận hồ sơ: Viện Khoa học tổ chức nhà nước.
2. Hình thức nộp hồ sơ: Gửi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp.
3. Hồ sơ phải nộp đúng hạn theo quy định trong thông báo tuyển chọn của Viện Khoa học tổ chức nhà nước.

4. Ngày chứng thực nhận hồ sơ là ngày ghi ở dấu của bưu điện (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc dấu “đến” của Viện Khoa học tổ chức nhà nước (trường hợp nộp trực tiếp).

5. Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn có quyền rút hồ sơ đã nộp thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã

nộp. Việc thay hồ sơ mới và bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời điểm kết thúc nộp hồ sơ theo quy định.

Điều 16. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn

1. Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Viện Khoa học tổ chức nhà nước tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ với sự tham dự của đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn.

2. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu và đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

3. Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản (có chữ ký xác nhận của các bên tham dự).

Điều 17. Nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá tuyển chọn hồ sơ đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc đánh giá tuyển chọn các hồ sơ đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện thông qua phương pháp chấm điểm (với tổng số điểm là 100 điểm) theo các nhóm tiêu chí và thang điểm cụ thể như sau:

1. Đối với các chương trình, đề tài:

a) Nhóm tiêu chí về mục tiêu và đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài, tối đa 10 điểm, có 02 tiêu chí:

- Tính hợp lý, rõ ràng của mục tiêu nghiên cứu, tối đa 5 điểm;

- Tính chính xác, cụ thể của đối tượng, phạm vi nghiên cứu, tối đa 5 điểm.

b) Nhóm tiêu chí về tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài, tối đa 15 điểm, có 2 tiêu chí:

- Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ và rõ ràng mức độ thành công và hạn chế của các công trình nghiên cứu có liên quan, tối đa 7 điểm;

- Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề tài, tối đa 8 điểm.

c) Nhóm tiêu chí về xác định nội dung, phương án tổ chức thực hiện đề tài, tối đa 50 điểm, có 4 tiêu chí:

- Tính đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu để đạt được mục tiêu đề ra, tối đa 20 điểm;

- Tính hệ thống, logic của các nội dung nghiên cứu, tối đa 10 điểm;

- Cách tiếp cận đề tài và phương pháp nghiên cứu rõ ràng, thích hợp với đối tượng nghiên cứu, tối đa 10 điểm;

- Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức các hoạt động nghiên cứu và kế hoạch thực hiện của đề tài, tối đa 10 điểm.

d) Nhóm tiêu chí sản phẩm, lợi ích của đề tài, tối đa 10 điểm, có 2 tiêu chí:

- Các sản phẩm rõ ràng, đầy đủ, phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài, tối đa 5 điểm;

- Lợi ích của đề tài đối với việc đóng góp xây dựng chủ trương, hoàn thiện chính sách, xây dựng pháp luật, tối đa 5 điểm.

đ) Nhóm tiêu chí về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, tối đa 15 điểm, có 3 tiêu chí:

- Năng lực, uy tín về trình độ chuyên môn của chủ nhiệm đề tài, tối đa 5 điểm;
- Năng lực của các cá nhân tham gia thực hiện chính đề tài, tối đa 5 điểm;
- Sự phù hợp giữa chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ trì đề tài với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài tuyển chọn, tối đa 5 điểm.

2. Đối với các dự án:

a) Nhóm tiêu chí chung: sự cần thiết, mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi, phương pháp thực hiện dự án, tối đa 35 điểm, có 04 tiêu chí:

- Tính rõ ràng, đầy đủ của các luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa thực tiễn của việc thực hiện dự án, tối đa 10 điểm;

- Tính hợp lý, rõ ràng của mục tiêu, nhiệm vụ của dự án, tối đa 7 điểm;
- Tính chính xác, cụ thể của đối tượng, phạm vi của dự án, tối đa 8 điểm;
- Sự phù hợp, rõ ràng của việc sử dụng từng phương pháp vào các hoạt động của dự án, tối đa 10 điểm.

b) Nhóm tiêu chí về xác định công cụ điều tra, khảo sát, tối đa 15 điểm, có 2 tiêu chí:

- Sự phù hợp, đầy đủ của các loại công cụ điều tra, khảo sát, tối đa 7 điểm;
- Sự phù hợp, cụ thể số lượng các loại mẫu biểu của từng loại công cụ, xác định rõ đối tượng thực hiện, nội dung cần thu thập của từng loại mẫu biểu, tối đa 8 điểm.

c) Nhóm tiêu chí về các hoạt động triển khai dự án, có 02 tiêu chí, tối đa 20 điểm

- Xác định đầy đủ các hoạt động triển khai dự án để đạt mục tiêu, trên cơ sở bám sát các nhiệm vụ đã được xác định của dự án, tối đa 10 điểm;

- Xác định được mục tiêu đạt được, nội dung cụ thể, rõ ràng của từng hoạt động, tối đa 10 điểm

d) Nhóm tiêu chí về tiến độ thực hiện, các sản phẩm và lợi ích mang lại của dự án tối đa 20 điểm, có 03 tiêu chí:

- Xác định cụ thể, hợp lý, logic tiến độ thực hiện cho từng nội dung công việc của dự án, tối đa 5 điểm;

- Các sản phẩm rõ ràng, đầy đủ, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và các hoạt động của dự án, tối đa 5 điểm;

- Lợi ích của dự án đối với việc đóng góp xây dựng chủ trương, hoàn thiện chính sách, xây dựng pháp luật, tối đa 10 điểm.

đ) Nhóm tiêu chí về năng lực của tổ chức chủ trì hiện dự án, tối đa 10 điểm, có 2 tiêu chí:

- Năng lực, uy tín của tổ chức chủ trì thực hiện dự án, tối đa 5 điểm;
- Sự phù hợp giữa chức năng, nhiệm vụ của tổ chức chủ trì với lĩnh vực điều tra, khảo sát của dự án tuyển chọn, tối đa 5 điểm.

Điều 18. Hội đồng tư vấn tuyển chọn

1. Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước ký Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn tuyển chọn để thực hiện việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Hội đồng tư vấn tuyển chọn có 05 hoặc 07 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch, 01 thư ký và các ủy viên.

a) Thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn là các chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu sâu về lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài, đại diện cơ quan dự kiến sử dụng kết quả nghiên cứu.

b) Cá nhân không được tham gia Hội đồng trong các trường hợp sau:

- Có hồ sơ đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang được tuyển chọn;

- Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang được tuyển chọn.

c) Cá nhân thuộc tổ chức phối hợp thực hiện đề tài được tham gia là thành viên nhưng không làm Chủ tịch Hội đồng tư vấn tuyển chọn.

3. Phiên họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn được tiến hành khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch, Thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện (ủy viên phản biện vắng mặt phải có nhận xét, đánh giá bằng văn bản).

4. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn

a) Tham gia với tư cách cá nhân và không đại diện cho bất cứ tổ chức nào khi xem xét, đánh giá hồ sơ tuyển chọn;

b) Tuân thủ đúng các quy định của Quy chế này; bảo đảm đánh giá trung thực, khách quan, chính xác và công bằng;

c) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng;

d) Giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình tuyển chọn.

5. Trình tự, nội dung và kết quả làm việc Hội đồng tư vấn tuyển chọn

a) Hội đồng thảo luận thống nhất nguyên tắc, quy trình và cách chấm điểm theo các tiêu chí đánh giá hồ sơ của Quy chế này.

b) Tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn trình bày tóm tắt Thuyết minh trước Hội đồng, trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng (nếu có) và

không được tiếp tục tham dự phiên họp của Hội đồng tuyển chọn khi Hội đồng thảo luận riêng.

c) Hội đồng tiến hành đánh giá các hồ sơ tham gia tuyển chọn:

+ Các Ủy viên phân biện đánh giá chung về mặt mạnh, mặt yếu của từng hồ sơ; so sánh giữa các hồ sơ theo tiêu chí được quy định tại Điều 17 của Quy chế này;

+ Từng thành viên Hội đồng cho ý kiến về nhận xét, đánh giá của các Ủy viên phân biện và trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá của mình đối với từng hồ sơ;

+ Thư ký Hội đồng đọc ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng nghiên cứu, tham khảo;

+ Hội đồng thảo luận, đánh giá từng hồ sơ tham gia tuyển chọn.

d) Chấm điểm hồ sơ tham gia tuyển chọn

+ Hội đồng chấm điểm độc lập từng hồ sơ theo Phiếu đánh giá.

+ Hội đồng cử Ban kiểm phiếu gồm ba (03) thành viên Hội đồng (trong đó có một trưởng ban).

+ Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu được thực hiện theo đúng chỉ dẫn ghi trên phiếu.

đ) Tổng hợp kết quả đánh giá tuyển chọn

- Ban kiểm phiếu tổng hợp và báo cáo Hội đồng kết quả kiểm phiếu;

- Hội đồng xếp hạng các hồ sơ có tổng điểm trung bình đánh giá từ cao xuống thấp;

- Đối với các hồ sơ có tổng điểm trung bình bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng được ưu tiên để xếp hạng;

- Trường hợp các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau và điểm của Chủ tịch Hội đồng đối với các hồ sơ này cũng bằng nhau thì Hội đồng kiến nghị phương án lựa chọn;

- Nếu thành viên Hội đồng nào có tổng số điểm đánh giá chênh lệch từ 20% trở lên so với điểm đánh giá trung bình của các thành viên Hội đồng có mặt thì điểm đánh giá của thành viên này không được chấp nhận. Kết quả đánh giá Hồ sơ này chỉ dựa trên kết quả cho điểm của các thành viên còn lại của Hội đồng.

e) Kiến nghị tổ chức, cá nhân trúng tuyển thực hiện nhiệm vụ và thông qua Biên bản về kết quả làm việc của Hội đồng

- Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đáp ứng được các điều kiện sau đây:

+ Được xếp hạng với điểm cao nhất theo kết quả tại khoản 5, Điều này;

+ Có tổng số điểm trung bình đạt tối thiểu là 70/100 điểm. Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ có một hồ sơ tham gia tuyển chọn thì tổng số điểm trung bình phải đạt tối thiểu là 80/100 điểm. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm).

- Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị những điểm bổ sung, sửa đổi cần thiết đối với từng phần đã nêu trong Thuyết minh và nêu những điểm cần lưu ý để hoàn thiện Thuyết minh của tổ chức và cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển.

- Trong trường hợp không có hồ sơ nào trúng tuyển, Hội đồng kiến nghị Viện Khoa học tổ chức nhà nước báo cáo Hội đồng khoa học Bộ đề xuất phương án giải quyết cụ thể.

- Hội đồng thông qua Biên bản làm việc. Thư ký Hội đồng có trách nhiệm nộp đầy đủ hồ sơ gốc (kể cả hồ sơ trúng tuyển và hồ sơ không trúng tuyển) để lưu tại Viện Khoa học tổ chức nhà nước.

6. Kinh phí tổ chức các phiên họp của Hội đồng tư vấn tuyển chọn do Viện Khoa học tổ chức nhà nước chịu trách nhiệm theo quy định hiện hành.

Điều 19. Thông báo kết quả tuyển chọn

- Viện Khoa học tổ chức nhà nước tổng hợp kết quả tuyển chọn và thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ, Trang thông tin điện tử của Viện Khoa học tổ chức nhà nước và đến các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn.

- Trường hợp cá nhân đồng thời đăng ký chủ nhiệm từ hai (02) đề tài cấp Bộ trở lên, nếu các Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn được đề nghị trúng tuyển thì chỉ được lựa chọn chủ nhiệm (01) đề tài.

- Trong trường hợp cần thiết, Viện Khoa học tổ chức nhà nước kiểm tra thực tế nhân lực và năng lực của tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển trước khi trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét phê duyệt kết quả xét chọn, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Mục 4: PHÊ DUYỆT, CÔNG BỐ KẾT QUẢ XÉT CHỌN, TUYỂN CHỌN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 20. Hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ khoa học & công nghệ

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày xét duyệt thuyết minh, tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN, cá nhân đăng ký chủ nhiệm, tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện thuyết minh theo kết luận của Hội đồng gửi Viện Khoa học tổ chức nhà nước để tổng hợp.

Điều 21. Phê duyệt kết quả xét chọn, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Căn cứ thuyết minh đã hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng, Viện Khoa học tổ chức nhà nước trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký Quyết định phê duyệt kết quả xét chọn, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 22. Công bố kết quả xét chọn, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Trong thời hạn 15 ngày kể từ thời điểm Bộ trưởng phê duyệt kết quả xét chọn, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ, Trang thông tin điện tử của Viện Khoa học tổ chức nhà nước.

Chương IV

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 23. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ. (*Mẫu 5- HÐTHCTÐTKHCNCB; Mẫu 6- HÐTHDAÐTKSCB*)

Điều 24. Kiểm tra đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong quá trình triển khai thực hiện tổ chức chủ trì có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung, tiến độ kế hoạch, kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

2. Hằng năm, Viện Khoa học tổ chức nhà nước tổ chức đoàn kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nội dung nghiên cứu, tiến độ thực hiện và việc sử dụng kinh phí của các tổ chức sử dụng nguồn vốn khoa học và công nghệ do Bộ cấp.

3. Hằng năm, vào ngày 15 tháng 3 và ngày 15 tháng 9, các chủ nhiệm, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ có trách nhiệm báo cáo Bộ Nội vụ (qua Viện Khoa học tổ chức nhà nước) về tình hình thực hiện và tiến độ giải ngân kinh phí, nêu rõ những vướng mắc khó khăn và kiến nghị (nếu có) trong quá trình thực hiện. (*Mẫu 7-BCTHTKCTÐTKHCNCB; Mẫu 8 – BCTHTKDAÐTKSCB*)

Điều 25. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định điều chỉnh về: tên đề tài, chương trình khoa học cấp Bộ, cá nhân chủ nhiệm, thời gian thực hiện, kinh phí thực hiện đề tài, chương trình khoa học cấp Bộ. Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước xem xét quyết định gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.

2. Căn cứ xem xét, điều chỉnh tên đề tài, chương trình khoa học cấp Bộ dựa trên ý kiến kết luận của Hội đồng xét duyệt thuyết minh hoặc Hội đồng tư vấn tuyển chọn đề tài, chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ và văn bản của cơ quan đề xuất đặt hàng nhiệm vụ hoặc đơn đề nghị của chủ nhiệm nhiệm vụ.

3. Thay đổi chủ nhiệm đề tài, chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Chủ nhiệm đi học tập, công tác dài hạn trên 6 tháng liên tục;
- Chủ nhiệm bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu;
- Chủ nhiệm tử vong; mất tích trên 6 tháng;
- Chủ nhiệm vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính; không hoàn thành tiến độ nội dung đề tài, chương trình theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng hoặc vi phạm pháp luật phải đình chỉ công tác.

Chủ nhiệm đề tài, chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ mới phải đáp ứng các quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

4. Gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ

a) Trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất mười lăm (15) ngày, tổ chức chủ trì nhiệm vụ, chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản xin gia hạn nhiệm vụ, trong đó nêu rõ lý do dẫn tới việc chậm tiến độ thực hiện nhiệm vụ và báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ đến thời điểm xin gia hạn.

b) Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần và không quá 06 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên, không quá 03 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng.

Điều 26. Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chấm dứt Hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đối với các trường hợp sau:

- Có văn bản đề nghị chấm dứt hợp đồng của tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ.
- Vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.
- Có kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ ở mức "Không đạt".
- Thời gian thực hiện đã quá 6 tháng mà không có văn bản quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Hồ sơ chấm dứt Hợp đồng

a) Lập hồ sơ đề nghị chấm dứt Hợp đồng

Tổ chức chủ trì (đối với dự án điều tra, khảo sát), chủ nhiệm nhiệm vụ (đối với đề tài, chương trình khoa học và công nghệ) lập hồ sơ đề nghị chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp chủ động đề nghị chấm dứt hợp đồng;

Viện Khoa học tổ chức nhà nước lập hồ sơ đề nghị chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp có đủ căn cứ quy định tại điểm b khoản này.

b) Hồ sơ đề nghị chấm dứt Hợp đồng bao gồm:

- Công văn giải trình, đề nghị chấm dứt hợp đồng của tổ chức chủ trì hoặc chủ nhiệm nhiệm vụ đối với trường hợp tổ chức chủ trì hoặc chủ nhiệm nhiệm vụ chủ động đề nghị chấm dứt hợp đồng

- Đề xuất của Viện Khoa học tổ chức nhà nước đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

- Hợp đồng, thuyết minh đã ký giữa Viện Khoa học tổ chức nhà nước với Tổ chức chủ trì;

- Báo cáo nội dung, sản phẩm khoa học và công nghệ đã hoàn thành, đang triển khai và chưa triển khai; tình hình sử dụng, thanh quyết toán kinh phí;

- Tài liệu khác (nếu có).

3. Trình tự, thẩm quyền thực hiện chấm dứt Hợp đồng

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt Hợp đồng hợp lệ, Viện Khoa học tổ chức nhà nước xem xét và có thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ;

b) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ phải ngừng mọi hoạt động có liên quan kể từ ngày có thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ, đồng thời báo cáo chi tiết bằng văn bản với Viện các nội dung đã thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí, nguyên vật liệu, trang thiết bị mua sắm;

c) Viện Khoa học tổ chức nhà nước kiểm tra, đánh giá hồ sơ trước khi ra quyết định chấm dứt hợp đồng. Trường hợp cần thiết, Viện thành lập Hội đồng tư vấn chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Hội đồng gồm có 7 hoặc 9 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch, 01 thư ký và các ủy viên. Thành viên Hội đồng là đại diện của cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ của Bộ, kế hoạch- tài chính, đại diện tổ chức chủ trì đề tài, các nhà khoa học thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài. Trong quyết định chấm dứt hợp đồng cần xác định rõ số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước, phương án xử lý sản phẩm.

Chương V

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 27. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được đánh giá, nghiệm thu qua hai bước: nghiệm thu cấp cơ sở và nghiệm thu cấp Bộ, mỗi cấp được thành lập Hội đồng đánh giá độc lập.

2. Việc đánh giá, nghiệm thu phải căn cứ vào thuyết minh, biên bản xét duyệt thuyết minh và hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được ký kết.

3. Báo cáo tổng quan kết quả nghiên cứu phải được thực hiện theo hướng dẫn tại kèm theo Quy chế này. (Mẫu 9-HDBCTQ)

Điều 28. Đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở

1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở

Sau khi hoàn thành các nội dung công việc chủ yếu được ghi trong thuyết minh, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ phải hoàn chỉnh 08 bộ hồ sơ nghiệm thu. Hồ sơ gồm:

a) Thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt, Quyết định phê duyệt kết quả xét chọn, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ;

c) Các sản phẩm khoa học trung gian (tổng hợp số liệu thống kê, điều tra, khảo sát, kỹ yếu hội thảo khoa học, báo cáo nhánh và chuyên đề...);

2. Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở

a) Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước ký Quyết định thành lập các Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở.

b) Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở gồm có 07 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch, 01 thư ký và các ủy viên. Thành viên Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở là các chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu sâu về lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài, đại diện cơ quan dự kiến áp dụng kết quả nghiên cứu, đại diện phòng quản lý khoa học của Viện Khoa học tổ chức nhà nước.

c) Phiên họp Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở được tiến hành khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch, Thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện (ủy viên phản biện vắng mặt phải có nhận xét, đánh giá bằng văn bản).

d) Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở tiến hành đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ theo những tiêu chí sau:

- Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng các sản phẩm chính theo yêu cầu của hợp đồng đã ký kết;

- Cách tiếp cận vấn đề, phương pháp nghiên cứu, điều tra, khảo sát, tính đại diện, độ tin cậy, cập nhật của các số liệu, tư liệu;

- Tính trung thực của kết quả nghiên cứu, điều tra, khảo sát;

- Giá trị khoa học (phát hiện ra những vấn đề mới, đóng góp mới vào việc phát triển quan điểm, lý luận hiện có đối với chương trình, đề tài);

- Ý nghĩa thực tiễn (đóng góp vào việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, khả năng ứng dụng, sử dụng kết quả vào hoạt động quản lý của Bộ, ngành...)

đ) Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở thảo luận để thống nhất đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ nghiệm thu cấp cơ sở theo ba mức: “Đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ”; “Đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ, cần chỉnh sửa” và “Chưa đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ”.

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được xếp loại ở mức “Đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ” nếu đáp ứng được các nội dung đánh giá quy định tại Khoản 5 Điều này và được ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp bỏ phiếu xếp loại “Đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ”;

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được xếp loại ở mức “Đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ, cần chỉnh sửa” nếu đáp ứng được các nội dung đánh giá

quy định tại Khoản 5 Điều này và được ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp bỏ phiếu xếp loại “Đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ, cần chỉnh sửa”;

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được xếp loại ở mức “Chưa đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ” nếu không đáp ứng được các nội dung đánh giá quy định tại khoản 5 Điều này.

e) Đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được xếp loại ở mức “Đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ” và “Đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ, cần chỉnh sửa”, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có kết luận của hội đồng, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì hoàn thiện kết quả nghiên cứu và gửi về Viện Khoa học tổ chức nhà nước. Viện gửi kết quả nghiên cứu đến 02 chuyên gia thẩm định kín trước khi tổ chức nghiệm thu theo quy định.

f) Đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được xếp loại ở mức “Chưa đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ”, hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở phải kiến nghị rõ nhiệm vụ đó được tiếp tục hoàn thiện hay bị đình chỉ thực hiện. Những nhiệm vụ được yêu cầu tiếp tục hoàn thiện, trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có kết luận của Hội đồng, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì phải chỉnh sửa hoàn thiện kết quả nghiên cứu và làm lại thủ tục để đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định. Đối với những nhiệm vụ bị đình chỉ thực hiện, Viện Khoa học tổ chức nhà nước thành lập Hội đồng thanh lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

g) Kinh phí tổ chức các phiên họp của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở do chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ chi trả từ nguồn kinh phí được cấp.

Điều 29. Đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ

1. Thẩm định Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ và các sản phẩm trung gian (nếu có)

a) Sau phiên họp nghiệm thu cấp cơ sở, chậm nhất là 30 ngày, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ phải hoàn chỉnh Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ và các sản phẩm trung gian (nếu có) gửi về Viện Khoa học tổ chức nhà nước để tiến hành gửi chuyên gia thẩm định kín, cụ thể:

- 02 chuyên gia là nhà khoa học, nhà quản lý do Viện Khoa học tổ chức nhà nước chỉ định đối với đề tài, chương trình khoa học cấp Bộ;

- 01 chuyên gia và 01 ý kiến thẩm định của Vụ, Cục, Ban quản lý chức năng thuộc Bộ do Viện Khoa học tổ chức nhà nước chỉ định đối với dự án điều tra cấp Bộ.

b) Kinh phí tổ chức thẩm định Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các sản phẩm trung gian (nếu có) do Viện Khoa học tổ chức nhà nước chi trả theo quy định.

2. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ

Sau phiên họp nghiệm thu cấp cơ sở, chậm nhất sau 30 ngày, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ phải hoàn chỉnh 08 bộ hồ sơ nghiệm thu. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị nghiệm thu của chủ nhiệm có xác nhận của tổ chức đầu mối quản lý khoa học của tổ chức chủ trì đề tài, chương trình khoa học cấp Bộ và công văn đề nghị nghiệm thu, đánh giá của tổ chức chủ trì dự án điều tra cấp Bộ gửi Viện Khoa học tổ chức nhà nước;

b) Thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt, Quyết định phê duyệt kết quả xét chọn, tuyên chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ, báo cáo tóm tắt, báo cáo kiến nghị;

d) Các sản phẩm khoa học trung gian (tổng hợp số liệu thống kê, điều tra, khảo sát, kỹ yếu hội thảo khoa học, báo cáo nhánh và chuyên đề...);

đ) Ý kiến đồng ý của 02 chuyên gia thẩm định kín đối với Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ;

e) Bảng tổng hợp tiếp thu ý kiến thẩm định.

f) Biên bản nghiệm thu cấp cơ sở;

g) Bài báo khoa học liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài đăng trên các tạp chí chuyên ngành (nếu có).

3. Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ

a) Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký Quyết định thành lập theo đề nghị của Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước.

b) Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ gồm có 7 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch, 01 thư ký và các ủy viên. Thành viên Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ là các chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu sâu về lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài, đại diện cơ quan dự kiến áp dụng kết quả nghiên cứu. Những người tham gia thực hiện và những người thuộc tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ không được tham gia Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.

c) Phiên họp Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ được tiến hành khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch, Thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện (ủy viên phản biện vắng mặt phải có nhận xét, đánh giá bằng văn bản).

d) Hội đồng tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ dựa trên các tiêu chuẩn và thang điểm 100 như sau:

* Đối với đề tài, chương trình cấp Bộ:

- Về phương pháp nghiên cứu, tối đa 10 điểm cho các nội dung: cách tiếp cận, việc sử dụng các phương pháp khoa học trong nghiên cứu, điều tra, khảo sát;

- Về giá trị khoa học của kết quả nghiên cứu, tối đa 60 điểm cho các nội dung: mức độ đạt mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu và các yêu cầu về sản phẩm đã

cam kết trong hợp đồng được thể hiện qua báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt và bản kiến nghị; độ tin cậy, tính cập nhật, phong phú của hệ thống tài liệu đã sử dụng và các số liệu đã điều tra, thu thập; những điểm mới đạt được trong kết quả nghiên cứu;

- Về giá trị thực tiễn của kết quả nghiên cứu, tối đa 10 điểm cho các nội dung: khả năng ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, phục vụ cho việc hoạch định đường lối, chính sách, đóng góp vào việc phát triển khoa học;

- 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành: Mỗi bài báo tối đa 5 điểm

- Về tổ chức thực hiện, tối đa 10 điểm cho các nội dung: tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành so với hợp đồng đã đăng ký và huy động, sử dụng lực lượng nghiên cứu.

* Đối với dự án điều tra, khảo sát cấp Bộ:

- Phương pháp tổ chức và tiến độ thực hiện dự án: 10 điểm;

- Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng các sản phẩm chính theo yêu cầu của hợp đồng đã ký kết: 20 điểm

- Chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính và các sản phẩm kèm theo: 50 điểm;

- Khả năng ứng dụng, sử dụng kết quả dự án vào hoạt động quản lý của Bộ, ngành: 15 điểm.

- 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành: 5 điểm.

đ) Xếp loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Điểm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ là điểm trung bình tính trên tổng số các phiếu hợp lệ;

- Căn cứ vào điểm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, việc xếp loại thực hiện như sau:

- + Nhiệm vụ xếp loại xuất sắc nếu đạt điểm trung bình từ 90 điểm trở lên;

- + Nhiệm vụ xếp loại khá nếu đạt điểm trung bình từ 70 đến dưới 90 điểm;

- + Nhiệm vụ xếp loại trung bình nếu đạt điểm trung bình từ 50 đến dưới 70 điểm;

- + Nhiệm vụ xếp loại không đạt nếu điểm trung bình dưới 50 điểm;

- Đối với các nhiệm vụ xếp loại từ mức đạt trở lên, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tổ chức nghiệm thu; tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu theo kết luận của Hội đồng và nộp lại cho Viện Khoa học tổ chức nhà nước. Viện thẩm định các sản phẩm nghiên cứu trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, ra quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- Đối với các nhiệm vụ xếp loại không đạt, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện các kết quả nghiên cứu theo ý kiến đóng góp của Hội đồng trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày họp nghiệm thu

lần thứ nhất. Thủ tục nghiệm thu lần thứ hai được tiến hành như lần thứ nhất. Toàn bộ kinh phí cho việc tổ chức nghiệm thu lần thứ hai do chủ nhiệm và tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm. Quá thời hạn 60 ngày nói trên, nếu chủ nhiệm không hoàn thiện kết quả nghiên cứu để tiến hành nghiệm thu lần thứ hai, Viện khoa học tổ chức nhà nước kiến nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ có hình thức xử lý trách nhiệm và tiến hành thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo quy định hiện hành của pháp luật;

e) Kinh phí tổ chức các phiên họp của Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ do Viện Khoa học tổ chức nhà nước chịu trách nhiệm theo quy định hiện hành.

Điều 30. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, bao gồm:

- a) Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức;
- b) Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu chính thức;
- c) Đơn đề nghị công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;

d) Giấy xác nhận chuyển giao kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;

e) Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các sản phẩm khoa học trung gian đã được Viện Khoa học tổ chức nhà nước thẩm định theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu chính thức.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ tài liệu trên, Viện Khoa học tổ chức nhà nước trình Lãnh đạo Bộ xem xét, ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.

Điều 31. Thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sau khi các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu và công nhận, Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm đăng tải Báo cáo chất lọc kết quả nghiên cứu trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ, Trang thông tin điện tử của Viện Khoa học tổ chức nhà nước để phục vụ việc khai thác, tham khảo và ứng dụng.

2. Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm báo cáo lãnh đạo Bộ, cơ quan quản lý có thẩm quyền về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 32. Lưu trữ, chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong thời hạn 30 ngày sau khi hoàn thiện việc đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ được xếp loại “Đạt” trở lên, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm sửa chữa, hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu theo yêu cầu của Hội đồng nghiệm thu, và:

- a) Nộp lưu trữ 02 bộ sản phẩm tại Viện Khoa học tổ chức nhà nước;

- b) Chuyển giao 01 bộ sản phẩm cho Thư viện Bộ Nội vụ;
- c) Chuyển giao 01 bộ sản phẩm cho tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu.

Mỗi bộ sản phẩm bao gồm: Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các sản phẩm khoa học trung gian, bản điện tử các kết quả và sản phẩm nghiên cứu.

Riêng sản phẩm nộp lưu tại Viện Khoa học tổ chức nhà nước có thêm Báo cáo chất lọc kết quả nghiên cứu (từ 2-3 trang) để đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ, Trang thông tin điện tử của Viện Khoa học tổ chức nhà nước phục vụ việc khai thác, tham khảo và ứng dụng.

2. Hồ sơ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được lưu trữ tại Phòng Quản lý khoa học thuộc Viện khoa học tổ chức nhà nước, bao gồm:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu;
- b) Văn bản đánh giá của 2 ủy viên phản biện;
- c) Phiếu đánh giá, xếp loại của các thành viên hội đồng có mặt;
- d) Biên bản nghiệm thu, đánh giá;
- đ) Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ;
- e) Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các sản phẩm khoa học trung gian;
- g) Bản điện tử lưu trữ toàn bộ các kết quả và sản phẩm nghiên cứu;
- h) Giấy xác nhận chuyên giao kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (*Mẫu 9-XNCGKQNC*)

Chương VI

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ, TỔ CHỨC CHỦ TRÌ, CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 33. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý khoa học thuộc Bộ

1. Viện Khoa học tổ chức nhà nước là đầu mối có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Bộ:

- a) Xác định Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ hằng năm trình Bộ trưởng xem xét ban hành (sau khi thống nhất với Vụ Kế hoạch - Tài chính);
- b) Tổ chức xét chọn, tuyển chọn tổ chức chủ trì hoặc cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- c) Phối hợp Vụ Kế hoạch - Tài chính trong việc phân bổ kinh phí nghiên cứu khoa học do Bộ Nội vụ quản lý; Hướng dẫn, thẩm định và phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện từng nhiệm vụ cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ;
- d) Gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tổ chức đánh giá nghiệm thu hoặc tiến hành thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học và công nghệ;

e) Kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật về sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học của chủ nhiệm vụ;

f) Trong trường hợp cần thiết, kiến nghị với Lãnh đạo Bộ Nội vụ:

- Điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm;
- Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và hình thức xử lý vi phạm.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Viện Khoa học tổ chức nhà nước trong việc phân bổ kinh phí nghiên cứu khoa học do Bộ Nội vụ quản lý;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát chế độ chi tiêu và thanh quyết toán hằng năm.

Điều 34. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm

1. Tổ chức chủ trì

a) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo đúng nội dung, tiến độ trong thuyết minh, hợp đồng;

b) Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo định kỳ và đột xuất;

c) Khi cần thiết, đề nghị Viện Khoa học tổ chức nhà nước báo cáo Lãnh đạo Bộ cho phép điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian hoặc thay đổi chủ nhiệm vụ.

2. Cá nhân chủ nhiệm

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo thuyết minh và hợp đồng; sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng quy định, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ và quyết toán tài chính theo quy định;

b) Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ theo định kỳ và đột xuất;

c) Đề xuất thay đổi nội dung, kinh phí, thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ được thực hiện những thay đổi khi có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý;

d) Ký kết hợp đồng với các tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài đơn vị để triển khai nội dung nhiệm vụ theo đúng quy định hiện hành.

Điều 35. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các tổ chức hoặc cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ Nội vụ có nhiều thành tích đóng góp cho hoạt động khoa học và công nghệ được đề nghị xét khen thưởng theo quy định. Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm tổ chức việc xét thưởng, đề nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ khen thưởng, trao giải thưởng khoa học và công nghệ của Bộ cho tổ chức hoặc cán bộ, công chức, viên chức có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức chủ trì hoặc cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ vi phạm Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sẽ bị xử lý theo quy định của Hợp đồng và của pháp luật về Hợp đồng; tổ chức hoặc cán bộ, công chức, viên chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng

ngân sách nhà nước vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ sẽ bị chấm dứt Hợp đồng, tiến hành thanh quyết toán và phải hoàn lại kinh phí đã nhận.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là một tiêu chuẩn để bình xét danh hiệu thi đua hằng năm của tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Phân cấp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Đối với các tổ chức trực thuộc Bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước mang tính đặc thù, Viện khoa học tổ chức nhà nước kiến nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định phân cấp việc quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 37. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung các điều, khoản trong Quy chế này do Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước đề nghị, trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét quyết định./.